TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày: 19/01/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang

Bà Lê Thị Thái Lan.

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang – Thẩm tra viên TAND tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn Hùng Việt – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/DSPT ngày 02 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

1.1.Ông Lê Văn T – sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

1.2.Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Quang Tr – sinh năm 1979, bà Mai Thị Thu H – sinh năm 1981; Đồng địa chỉ: Số 08/32 đường T, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Xưởng đồ mộc N, thôn C, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phầnDĐ; Địa chỉ tại: Số 147, đường P, thị trấn D, huyện P, tỉnh Bình Định. Người đại diện: Ông Nguyễn Việt D – Giám đốc. Có đơn từ chối tham dự phiên tòa.

4.Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên kháng nghị Bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T và ông Nguyễn Văn L cùng trình bày:

Vào ngày 17/01/2020 và ngày 27/01/2020 âm lịch (tức ngày 10/02/2020 và ngày 20/02/2020 dương lịch) vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H có mượn 02 lần với số tiền là 1.450.000.000 đồng có viết giấy thế chấp căn nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 231-A, đường H, xã K, thành phố T, tỉnh Phú Yên và hứa 03 tháng sau sẽ trả đủ tiền, nếu không trả lại tiền thì ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L được quyền lấy căn nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 231-A, đường H và phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ tại: Số 147, đường P, thị trấn D, huyện P, tỉnh Bình Định số tiền 2.200.000.000 đồng, nhưng đến nay vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H không trả tiền. Do đó, chúng tôi yêu cầu vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải trả lại số tiền gốc là 1.450.000.000 đồng và phải trả lãi suất chậm trả tính từ ngày 17/6/2020 âm lịch (Tức là ngày 06/8/2020) cho đến khi Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Yêu cầu vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải trả đủ một lần với số tiền gốc và lãi nói trên. Nếu vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ thì chúng tôi được quyền phát mại nhà đất nói trên để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Quang Tr trình bày: Vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H thừa nhận đã mượn của ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ông Tr, bà H chấp nhận trả đủ số tiền gốc 1.450.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/6/2020 âm lịch (Tức là ngày 06/8/2020) cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Nhưng nay, vì vợ chồng ông Tr, bà H gặp khó khăn trong kinh tế nên xin nguyên đơn cho vợ chồng ông Tr, bà H được trả làm nhiều lần cho đến khi hết nợ và xin phần lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ: Ngày 12/01/2022 đã gửi phúc đáp trình bày hiện tại khách hàng Lê Quang Tr, Mai Thị Thu H đã tất toán khoản vay vào ngày 24/02/2021 nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố T đã quyết định:

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L.

Buộc bị đơn ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L với tổng số tiền 1.546.681.166 đồng, trong đó: tiền gốc 1.450.000.000 đồng, tiền lãi 96.681.166 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền phát mại nhà đất nói trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, bị đơn ông Lê Quang Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại Quyết định số 02/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2021 của TAND tỉnh Phú Yên không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị đơn Lê Quang Tr.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên kháng nghị bản án sơ thẩm tại Quyết định số 07/QĐKNPT-VKS-P9.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

-Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thẩm tra viên trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Giữ nguyên kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-P9 ngày 07 tháng 5 năm 2021 của VKSND tỉnh Phú Yên, kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của TAND thành phố T về phần bảo đảm thi hành án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn được quyền phát mãi nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 231-A, địa chỉ K, thành phố T, tỉnh Phú Yên để thu hồi nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận và đề xuất ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có văn bản từ chối tham gia phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên thấy rằng:

[2.1] Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T buộc bị đơn trả nợ gốc, tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 1.546.681.166 đồng là có căn cứ pháp luật.

[2.2]Đối với nội dung tuyên "Khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp vợ chồng ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền phát mại nhà đất nói trên để thu hồi nợ". Xét thấy:

[2.2.1]Tại các giấy nhận nợ, bị đơn cam kết dùng tài sản nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 231-A, đường H, xã K, thành phố T tỉnh Phú Yên thế chấp cho các nguyên đơn nhưng các bên không tiến hành đúng thủ tục của giao dịch bảo đảm. Đồng thời, thời điểm bị đơn ghi cam kết (ngày 10/02/2020, ngày 20/02/2020), tài sản nói trên bị đơn đang thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để vay tiền (Hợp đồng thế chấp ngày 03/10/2018) đến ngày 25/02/2021 mới xóa đăng ký thế chấp. Do đó, việc bị đơn cam kết thế chấp tài sản cho nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2]Tại đơn kháng cáo quá hạn ngày 05/5/2021, bị đơn Lê Quang Tr trình bày nội dung "nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 231-A, đường H, xã K, thành phố T, tỉnh Phú Yên tôi đã bán cho ông Nguyễn Đặng M vào ngày 25/02/2021, tài sản nói trên là của người khác không phải của tôi nữa, tôi không có nhà để phát mãi".

Tại Công văn số 624/CNVPĐKĐĐ ngày 10/5/2021, Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố T cung cấp thông tin: thửa đất nói trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 362782, số vào sổ cấp GCN:CH 02491 do UBND thành phố T cấp ngày 11/01/2016 cho ông Phùng Văn M1 – sinh năm 1985, bà Nguyễn Thị G – sinh năm 1991. Ngày 01/10/2018, Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố T xác nhận chuyển nhượng cho ông Lê Quang Tr – sinh năm 1979, bà Mai Thị Thu H – sinh năm 1990. Tại phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi được cấp GCN thể hiện: Ngày 03/10/2018,

đăng ký thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (ngày 25/02/2021 xóa nội dung thế chấp). Ngày 04/3/2021, vợ chồng ông Tr, bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đặng M – sinh năm 1982. Ngày 26/3/2021, ông M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng N –sinh năm 1991, bà Phạm Thị Bích N1 – sinh năm 1997, ngày 08/4/2021, đăng ký thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh nam thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Như vậy, thời điểm Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm ngày 07/4/2021, nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ 231-A, địa chỉ xã K, thành phố T, tỉnh Phú Yên là tài sản của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phạm Thị Bích N1, đến ngày 08/4/2021, tài sản này đã được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh nam thành phố T, tỉnh Phú Yên, địa chỉ: 402 Nguyễn Văn L1, phường P, TP T, tỉnh Phú Yên.

Do đó Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-P9 ngày 07 tháng 5 năm 2021 của VKSND tỉnh Phú Yên và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L:

Buộc bị đơn ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 1.546.681.166 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), (trong đó: tiền gốc 1.450.000.000 đồng, tiền lãi 96.681.166 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2.Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L: nguyên đơn không được quyền phát mãi tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ 231-A, địa chỉ xã K, thành phố T, tỉnh Phú Yên để thu hồi nợ.

3.Về án phí: Bị đơn ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải chịu 58.400.434 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L 27.750.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000617 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

4.Về chi phí tố tụng khác (xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản tranh chấp theo yêu cầu): chi phí thực tế 15.000.000 đồng do đó nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn L phải chịu 7.500.000 đồng, bị đơn ông Lê Quang Tr, bà Mai Thị Thu H phải chịu 7.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ nên bị đơn ông Tr, bà H phải hoàn trả lại cho nguyên đơn ông T, ông L số tiền 7.500.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TANDTP T
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADSTP T;
-TANDCC Đà Nẵng;
-Phòng KTNV TAND tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà